

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯỚNG HÓA
TỈNH QUẢNG TRỊ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2019/KDTM-ST

Ngày 18-7-2019

V/v tranh chấp “Hợp đồng mua bán
hàng hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯỚNG HOÁ, TỈNH QUẢNG TRỊ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Quynh.
2. Ông Lê Quốc Hải.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mỹ Lâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Đợi - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2019/TLST - KDTM ngày 22 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST - KDTM ngày 22 tháng 4 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐST – KDTM ngày 21 tháng 5 năm 2019 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/2019/QĐST - KDTM ngày 20 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Công ty cổ phần (CTCP) Bê Tông V; Địa chỉ trụ sở chính: Số 36 L, phường 5, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Hải V, sinh năm: 1972; Nơi ĐKKHKT: Khu phố 7, phường 5, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn V2, sinh năm: 1994; Nơi ĐKKHKT: Thôn Huỳnh Thượng, xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị – Nhân viên pháp lý Văn phòng Luật sư Thiên Phong (Giấy uỷ quyền ngày 21/01/2019 của Chủ tịch HĐQT CTCP Bê Tông V); Có mặt.

2. ***Bị đơn:*** Công ty cổ phần (CTCP) A; Địa chỉ trụ sở chính: Số 155 T, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn L, sinh năm: 1976; Nơi ĐKKHKT: Khối 6, phường H, thành phố V, tỉnh Nghệ An – Giám đốc; Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/12/2018; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 01/3/2019; 02/4/2019 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn CTCP Bê Tông V trình bày:

Ngày 26/5/2017, CTCP A và CTCP Bê Tông V đã ký kết Hợp đồng kinh tế số 470/2017/HĐKT – VP về việc cung cấp sản phẩm ống cống Bê Tông cốt thép (BTCT) ly tâm đúc sẵn các loại trong đó có nội dung thỏa thuận về đơn giá, số lượng, chất lượng, quy cách sản phẩm, tạm ứng, thanh toán và đặt hàng. Căn cứ vào Hợp đồng nói trên, CTCP Bê Tông V đã cung cấp sản phẩm là: Ống cống D800 – M300 âm dương một đầu loa, cấp T và ống cống D300 – M300 âm dương một đầu loa, cấp T và giao tại thị trấn Lao Bảo, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị theo đúng hợp đồng, đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ theo yêu cầu của Công ty cổ phần A với tổng giá trị khối lượng là 532.060.000đồng (trong đó giá trị khối lượng đã đối chiếu là 321.320.000đồng; giá trị khối lượng chưa đối chiếu từ 08/10/2017 đến 17/11/2017 là 210.740.000đồng). CTCP A đã thực hiện thanh toán số tiền 159.600.000đồng, còn nợ số tiền 372.460.000đồng. CTCP Bê Tông V đã nhiều lần gửi Thông báo đòi nợ đối với CTCP A nhưng CTCP A vẫn không thanh toán số tiền nợ. Do vậy, CTCP Bê Tông V khởi kiện yêu cầu CTCP A thanh toán công nợ với số tiền 372.460.000đồng (*Ba trăm bảy mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng*) phát sinh từ Hợp đồng kinh tế số 470/2017/HĐKT – VP ngày 26/5/2017.

Nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ (bản sao, chứng thực) là: Hợp đồng kinh tế số 470/2017/HĐKT – VP ngày 26/5/2017; 02 Giấy ủy quyền, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp CTCP, điều lệ CTCP Bê Tông V; 02 biên bản đối chiếu khối lượng, bảng thanh toán khối lượng, bản cam kết; 23 phiếu xuất kho của CTCP Bê Tông V; Công văn số 901/CV – GMS ngày 18/12/2018 về giải quyết nợ đọng của các nhà cung cấp thi công gói thầu đường giao thông đô thị Lao Bảo; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000135 ngày 31/8/2017; số 0000153 ngày 30/9/2017; số 0000173 ngày 30/1/2017 và số 0000185 ngày 30/11/2017 (bản sao liên 1);

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 04/7/2019, người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty cổ phần A thừa nhận ngày 26/5/2017, Công ty cổ phần A và CTCP Bê Tông V đã ký kết Hợp đồng kinh tế số 470/2017/HĐKT – VP về việc cung cấp sản phẩm ống cống BTCT ly tâm đúc sẵn các loại. Căn cứ vào Hợp đồng nói trên, CTCP Bê Tông V đã hoàn thành việc cung cấp các sản phẩm cho Công ty cổ phần A và giao tại thị trấn Lao Bảo, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị với tổng giá trị khối lượng là 532.060.000đồng (trong đó: giá trị khối lượng đã được hai Bên đối chiếu nghiệm thu thanh toán là 321.320.000đồng; giá trị khối lượng chưa được hai Bên đối chiếu nghiệm thu thanh toán là 210.740.000đồng). CTCP A đã thực hiện thanh toán số tiền 159.600.000đồng, nay CTCP A thừa nhận còn nợ CTCP Bê Tông V số tiền 372.460.000đồng (*Ba trăm bảy mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng*). Hiện tại do tình hình

hoạt động kinh doanh của công ty gặp nhiều khó khăn nên chưa có khả năng thanh toán số tiền trên cho Công ty cổ phần Bê Tông V. Tại phiên tòa, người đại diện theo pháp luật của bị đơn CTCP vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại các Điều 48, 51, 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Cụ thể trong vụ án này, bị đơn cố tình vắng mặt, không có phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ bằng biện pháp thu thập tài liệu chứng cứ để xác định người đại diện theo pháp luật của bị đơn theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 97 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa được tiến hành công khai, công bằng. Bảo đảm sự vô tư, khách quan trong tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện cơ bản đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, tuy nhiên còn có sự vi phạm về việc thực hiện chậm giao nộp tài liệu chứng cứ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 50, khoản 1, 5 Điều 297 của Luật Thương mại; chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Buộc Công ty cổ phần A phải thanh toán cho Công ty cổ phần Bê Tông V số tiền 372.460.000đ (*Ba trăm bảy mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng*) phát sinh từ Hợp đồng kinh tế số 470/2017/HĐKT – VP ngày 26/5/2017.

Buộc Công ty cổ phần A phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo kết quả về việc cung cấp thông tin doanh nghiệp tại văn bản số 62/ĐKKD ngày 08/4/2019 của Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Nghệ An thể hiện CTCP A có trụ sở chính tại số 155 T, thành phố V, tỉnh Nghệ An được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2900324346, đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 16/12/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 30/5/2016; người đại diện theo pháp luật của công ty là ông Trần Văn L, chức danh là Giám đốc. Quá trình tố tụng, Tòa án thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Trần Văn L theo quy định của pháp luật nhưng người đại diện hợp pháp của CTCP A vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/7/2019 ông Trần Văn L thừa nhận CTCP A còn nợ CTCP Bê Tông số tiền 372.460.000đồng (*Ba trăm*

bảy mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng). Xét thấy, người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt tất cả các lần Tòa án thông báo, triệu tập là vi phạm nghĩa vụ của đương sự, tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Người đại diện theo pháp luật bị đơn CTCP A được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 277, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy: CTCP Bê Tông V và CTCP A có xác lập và thực hiện việc mua bán sản phẩm ống cống BTCT ly tâm đúc sẵn các loại thông qua Hợp đồng kinh tế số 470/2017/HĐKT – VP đã được ký kết ngày 26/5/2017, thấy hình thức và nội dung của Hợp đồng phù hợp quy định tại Điều 24 Luật Thương mại. Tại Điều 4 của Hợp đồng có nội dung thỏa thuận: “4.1. *Tạm ứng: Sau khi ký hợp đồng, Bên B lập và chuyển cho Bên A kế hoạch cung cấp vật tư từng đợt gồm khối lượng, tiến độ cung cấp vật tư và Bên B tạm ứng cho Bên A 70% giá trị của từng đợt yêu cầu cấp vật tư.* 4.2. *Thanh toán: Cuối mỗi cuối tháng hai Bên sẽ tiến hành đối chiếu khối lượng, CTCP A có trách nhiệm thanh toán toàn bộ giá trị khối lượng mà Bên A đã cung cấp trong tháng đó trong vòng 3 ngày đầu tiên của tháng tiếp theo.* 4.3. *Hình thức thanh toán: Chuyển khoản*”. Căn cứ vào Hợp đồng trên, CTCP Bê Tông V đã cung cấp sản phẩm là: Ống cống D800 – M300 âm dương một đầu loa, cấp T và ống cống D300 – M300 âm dương một đầu loa, cấp T và giao hàng tại thị trấn Lao Bảo, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị và đã xuất các phiếu xuất kho giao hàng và 04 hoá đơn giá trị gia tăng số 0000135 ngày 31/8/2017; số 0000153 ngày 30/9/2017; số 0000173 ngày 30/1/2017 và số 0000185 ngày 30/11/2017.

Đối với phiếu xuất kho số 01LB/A ngày 24/7/2017, 02LB/A ngày 07/8/2017, 03LB/A ngày 12/8/2017, 04LB/A ngày 17/8/2017; 05LB/A ngày 19/8/2017; 06LB/A ngày 21/8/2017, 07LB/A ngày 23/8/2017, 08LB/A ngày 27/8/2017; 09LB/A ngày 31/8/2017, 10LB/A ngày 07/9/2017, 11LB/A ngày 14/9/2017, 12LB/A ngày 18/9/2017, 13LB/A ngày 19/9/2017, 14LB/A ngày 23/9/2017, 15LB/A ngày 30/9/2017: Đã được các Bên đối chiếu tại Biên bản đối chiếu khối lượng - đợt 1 (thực hiện từ ngày 24/7/2017 đến ngày 31/8/2017) lập ngày 31/8/2017 (BL10-11), Biên bản đối chiếu khối lượng - đợt 2 (thực hiện từ ngày 01/9/2017 đến ngày 30/9/2017) lập ngày 30/9/2017 với giá trị tổng khối lượng đã đối chiếu hai kỳ là 321.320.000đồng (BL12-13).

Đối với các Phiếu xuất kho số 16LB/A ngày 08/10/2017, 17LB/A ngày 14/10/2017, 18LB/A ngày 17/10/2017, 19LB/A ngày 19/10/2017, 20LB/A ngày 28/10/2017, 21LB/A ngày 30/10/2017, 22LB/A ngày 01/11/2017, 23LB/A ngày 11/11/2017, 24LB/A ngày 14/11/2017 và 25LB/A ngày 17/11/2017, CTCP Bê Tông V xác định giá trị khối lượng hàng hóa từ 08/10/2017 đến 17/11/2017 là 210.740.000đồng: Hội đồng xét xử thấy việc các Bên không tiến hành đối chiếu khối lượng và CTCP A không thực hiện thanh toán là đã vi phạm nghĩa vụ cơ bản theo thỏa thuận tại Điều 4 của Hợp đồng. Đối chiếu tên sản phẩm, chủng

loại, số lượng, giá cả tổng sản phẩm giữa các phiếu xuất kho (từ 08/10/2017 đến 17/11/2017) với khối lượng đã được hai Bên đối chiếu của 02 kỳ trước và phù hợp với Công văn số 989/CCT – CV ngày 01/7/2019 của Chi cục thuế thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị về việc cung cấp thông tin kê khai thuế có nội dung xác nhận CTCP Bê Tông V có sử dụng 04 hoá đơn giá trị gia tăng số 0000135 ngày 31/8/2017; số 0000153 ngày 30/9/2017; số 0000173 ngày 30/1/2017 và số 0000185 ngày 30/11/2017 (bản sao liên 1) cho người mua hàng là CTCP A (Địa chỉ trụ sở chính: Số 155 T, thành phố V, tỉnh Nghệ An); Mã số thuế 2900324346 để đăng ký kê khai và quyết toán thuế tại Chi cục Thuế thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị và phù hợp với Biên bản lấy lời khai của bị đơn. Vì vậy, có cơ sở xác định CTCP Bê Tông V đã thực hiện việc giao hàng cho CTCP A với tổng giá trị khối lượng là 532.060.000đồng. Mặt khác, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận CTCP A có thanh toán tiền hàng với số tiền 159.600.000đồng cho CTCP Bê Tông V. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử có cơ sở xác định CTCP A có mua hàng hoá và còn nợ tiền hàng CTCP Bê Tông V với tổng số tiền là 372.460.000đồng. CTCP A không thanh toán cho CTCP Bê Tông V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán là nghĩa vụ cơ bản theo quy định tại khoản 13 Điều 3, Điều 50 và Điều 55 Luật Thương mại, điều này làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của CTCP Bê Tông V. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn CTCP Bê Tông V buộc bị đơn CTCP A phải phải thực hiện nghĩa vụ trả số tiền 372.460.000đồng là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, trả lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn đã nộp. Theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm g khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 269, Điều 271, khoản 1, 3 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 13 Điều 3, Điều 24, Điều 50, 55, khoản 1, 5 Điều 297 của Luật Thương mại;

Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Buộc Công ty cổ phần A phải thanh toán cho Công ty cổ phần Bê Tông V số tiền 372.460.000đ (*Ba trăm bảy mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng*) phát sinh từ Hợp đồng kinh tế số 470/2017/HĐKT – VP ngày 26/5/2017.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Buộc Công ty cổ phần A phải chịu 18.623.000đồng (*Mười tám triệu sáu trăm hai mươi ba nghìn đồng*).

Hoàn trả cho Công ty cổ phần Bê Tông V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.311.500đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2014/0007223 ngày 22/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (20/6/2019). Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Q.Trị;
- VKSND huyện H.Hóa;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện H.Hóa;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Huy